

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 – 27

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương (Cụm tiểu thủ công nghiệp Mỹ Quý), Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần NTACO (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần NTACO ("Công ty") được thành lập trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu vốn từ Công ty TNHH Tuấn Anh - Thành lập theo Giấy phép kinh doanh số 5202000016 ngày 15 tháng 08 năm 2000 và Giấy phép kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 30 tháng 12 năm 2004.

Công ty Cổ phần NTACO (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 1600513044 đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 04 năm 2007 và được thay đổi lần thứ 7 ngày 09 tháng 06 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty trong năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị**Họ và tên**

Ông Nguyễn Thanh Sơn

Ông Trần Minh Trọng

Bà Uông Thị Hà

Chức vụ

Chủ tịch

Thành viên

Thành viên

Ban Điều hành và Kế toán trưởng**Họ và tên**

Ông Nguyễn Đức Huy

Bà Nguyễn Diệu Linh

Chức vụ

Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Thanh Sơn - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

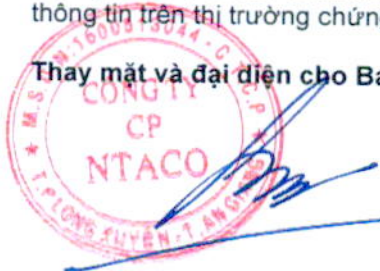
PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CAM KẾT VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài Chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



Ông Nguyễn Thanh Sơn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
An Giang, ngày 28 tháng 03 năm 2026

Số: 2411/2025/BCTC/IAV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần NTACO

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Ntaco (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Chúng tôi không được tham gia chứng kiến kiểm kê tài sản cố định tại thời điểm 01/01/2025 và 31/12/2025 cũng như tại thời điểm kiểm toán. Đồng thời, trong năm đơn vị không tiến hành trích khấu hao tài sản cố định. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục thay thế do đó Chúng tôi không đưa ý kiến về khoản mục tài sản cố định hữu hình và vô hình với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2025 lần lượt là 13,03 tỷ và 3,48 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2025 lần lượt là 13,03 tỷ và 3,48 tỷ đồng).

Chúng tôi đã thực hiện gửi thư xác nhận công nợ phải thu, phải trả đến các đối tượng có liên quan. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, Chúng tôi chưa nhận được xác nhận số dư tại ngày 01/01/2025 của các khoản công nợ Phải thu ngắn hạn của khách hàng, Trả trước cho người bán ngắn hạn, Phải thu ngắn hạn khác, Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác, Phải trả người bán ngắn hạn và Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn với số tiền lần lượt khoảng 7,7 tỷ VND; 0,47 tỷ VND; 4,04 tỷ VND; 1,33 tỷ VND; 7,8 tỷ VND và 321,17 tỷ VND và tại ngày 31/12/2025 của các khoản công nợ Phải thu ngắn hạn của khách hàng, Trả trước cho người bán ngắn hạn, Phải thu ngắn hạn khác, Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác, Phải trả người bán ngắn hạn và Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn với số tiền lần lượt khoảng 7,7 tỷ VND; 0,77 tỷ VND; 0,23 tỷ VND; 1,33 tỷ VND; 7,8 tỷ VND và 321,17 tỷ VND. Theo đó, chúng tôi không thể xác định giá trị chính xác và đưa ra các điều chỉnh phù hợp cho các số dư công nợ nêu trên trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến (tiếp theo)

Công ty chưa trích lập dự phòng đầy đủ các khoản công nợ phải thu khách hàng và trả trước cho người bán. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục thay thế nào khác nên chúng tôi không đưa ra tính chính xác của khoản dự phòng phải thu khó đòi được trình bày trên Bảng cân đối kế toán và ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu khác (nếu có) được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty chưa trích khấu hao tài sản cố định hữu hình với giá trị 3,8 tỷ đồng. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục thay thế nào khác nên chúng tôi không đưa ra tính chính xác của khoản khấu hao tài sản cố định được trình bày trên Bảng cân đối kế toán và ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu khác (nếu có) được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty chưa trích trước các khoản lãi vay phải trả của các khoản vay ngân hàng. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục thay thế nào khác nên chúng tôi không đưa ra tính chính xác của khoản trích trước lãi vay được trình bày trên Bảng cân đối kế toán và ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu khác (nếu có) được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngày 29/10/2019, Công ty nhận được kết quả bản án sơ thẩm liên quan đến vụ kiện cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang. Và ngày 21/08/2025, Công ty nhận bản án phúc thẩm số 53/2025/DS-ST về việc thi hành án tỉnh An Giang đã chuyển chi trả thi hành án cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang số tiền 65.000.000.000 đồng bù trừ với nghĩa vụ mà Công ty phải trả cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang. Theo các bản án trên, Công ty có nghĩa vụ phải trả Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang số tiền gốc 171.613.778.977 đồng và lãi trong hạn là 149.603.789.897 đồng, quá hạn là: 2.580.646.712 đồng.

Công ty đã bị Cục thuế tỉnh An Giang ra thông báo số 2853/TB-CT ngày 05/06/2019 về việc cưỡng chế hóa đơn không còn giá trị sử dụng do không chấp hành nộp tiền nợ thuế và tiền chậm nộp.

Bên cạnh đó, năm 2025, lỗ lũy kế 600.826.986.154 đồng làm vốn chủ sở hữu âm 480.827.006.154 đồng. Tại ngày 31/12/2025, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 497.337.309.025 đồng. Bên cạnh đó, tại ngày 31/12/2025 các khoản công nợ Phải trả người bán ngắn hạn, Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, Phải trả ngắn hạn khác với giá trị lần lượt 7,8 tỷ; 6,3 tỷ và 0,31 tỷ đã quá hạn thanh toán nhưng chưa được Công ty thanh toán. Theo đó giả định hoạt động liên tục khi lập Báo cáo tài chính của Công ty bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính kèm theo Công ty vẫn đang lập theo giả định hoạt động liên tục.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính đính kèm.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty Cổ phần NTACO đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra Ý kiến từ chối tại báo cáo ngày 31 tháng 03 năm 2025.



Đỗ Thị Thanh Huyền

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán

Số: 2421-2024-283-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN

VÀ ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2026

Nguyễn Hải Phương

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán

Số: 1329-2023-283-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.328.003.488	5.083.797.685
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	16.609.594	15.765.007
1. Tiền	111		16.609.594	15.765.007
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		733.183.176	4.486.971.960
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	7.709.449.279	7.709.449.279
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	796.399.343	469.399.343
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	233.653.997	4.043.653.997
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(8.006.319.443)	(7.735.530.659)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		578.210.718	581.060.718
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		578.210.718	581.060.718
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		16.510.302.871	16.510.302.871
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		16.510.302.871	16.510.302.871
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	13.026.882.871	13.026.882.871
- Nguyên giá	222		97.638.079.587	97.638.079.587
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(84.611.196.716)	(84.611.196.716)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.7	3.483.420.000	3.483.420.000
- Nguyên giá	228		3.483.420.000	3.483.420.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.8	-	-
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.335.000.000	1.335.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.335.000.000)	(1.335.000.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		17.838.306.359	21.594.100.556

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		498.665.312.513	502.196.312.513
I. Nợ ngắn hạn	310		498.665.312.513	502.196.312.513
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	7.788.701.845	7.788.701.845
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.10	67.227.930	67.227.930
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.11	6.313.315.060	6.313.315.060
4. Phải trả người lao động	314		743.268.001	743.268.001
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.12	161.751.631.437	161.751.631.437
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	589.000.000	4.120.000.000
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.14	321.171.538.900	321.171.538.900
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		240.629.340	240.629.340
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	4.15	(480.827.006.154)	(480.602.211.957)
I. Vốn chủ sở hữu	410		(480.827.006.154)	(480.602.211.957)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		119.999.980.000	119.999.980.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		119.999.980.000	119.999.980.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(600.826.986.154)	(600.602.191.957)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(600.602.191.957)	(600.467.294.053)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(224.794.197)	(134.897.904)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		17.838.306.359	21.594.100.556

Người lập biểu
Nguyễn Diệu Linh

Kế toán trưởng
Nguyễn Diệu Linh

Chủ tịch HĐQT
Nguyễn Thanh Sơn
An Giang, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	1.232.000.000	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		1.232.000.000	-
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	1.175.000.000	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		57.000.000	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	286.586	1.339
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.4	282.080.783	134.899.243
10. Lợi nhuận thuần (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(224.794.197)	(134.897.904)
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận (Lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận (Lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(224.794.197)	(134.897.904)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.5	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(224.794.197)	(134.897.904)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.6	(19)	(11)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.6	(19)	(11)

Người lập biểu
Nguyễn Diệu Linh

Kế toán trưởng
Nguyễn Diệu Linh



Chủ tịch HĐQT
Nguyễn Thanh Sơn
An Giang, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay VND	Năm trước VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận (Lỗ) trước thuế	01	(224.794.197)	(134.897.904)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Các khoản dự phòng	03	270.788.784	79.233.903
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(286.586)	(1.339)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	45.708.001	(55.665.340)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	3.485.850.000	429.022.226
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(3.531.000.000)	(381.524.937)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	558.001	(8.168.051)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	286.586	1.339
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	286.586	1.339
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	844.587	(8.166.712)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	15.765.007	23.931.719
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	16.609.594	15.765.007





Người lập biểu
Nguyễn Diệu Linh

Kế toán trưởng
Nguyễn Diệu Linh

Chủ tịch HĐQT
Nguyễn Thanh Sơn
An Giang, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính kèm theo.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần NTACO ("Công ty") được thành lập trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu vốn từ Công ty TNHH Tuấn Anh - Thành lập theo Giấy phép kinh doanh số 5202000016 ngày 15 tháng 08 năm 2000 và Giấy phép kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 30 tháng 12 năm 2004.

Công ty Cổ phần NTACO (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 1600513044 đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 04 năm 2007 và được thay đổi lần thứ 7 ngày 09 tháng 06 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 119.999.980.000 đồng. Tổng số cổ phần là 11.999.998 cổ phần.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là chế biến các sản phẩm và phụ phẩm liên quan đến cá tra.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là chế biến các sản phẩm và phụ phẩm liên quan đến cá tra

Chế biến thủy sản; chế biến và kinh doanh phụ phẩm bột, xương cá, mỡ cá; Nuôi cá; Mua bán cá và thủy sản; Sản xuất thức ăn chăn nuôi; Chế biến, mua bán nông sản; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, thức ăn thủy sản; Xay sát và sản xuất bột thô; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu hoặc đi thuê; Kinh doanh bất động sản (doanh nghiệp phải đảm bảo trong suốt quá trình hoạt động vốn chủ sở hữu không được thấp hơn 06 tỷ đồng).

1.4. Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5. Cấu trúc Doanh nghiệp

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty CP Âu Việt	Tỉnh Nghệ An	15,00%	15,00%	Hoạt động thiết kế chuyên dụng; dịch vụ liên quan đến in ấn; bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Giả định hoạt động liên tục

Năm 2025, Công ty lỗ 224.794.197 đồng, lỗ lũy kế 600.826.986.154 đồng làm vốn chủ sở hữu âm 480.827.006.154 đồng. Tại ngày 31/12/2025, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 497.337.309.025 đồng.

Ngày 29/10/2019, Công ty nhận được kết quả bản án sơ thẩm liên quan đến vụ kiện cho khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang. Và ngày 21/08/2025, Công ty nhận bản án phúc thẩm số 53/2025/DS-ST về việc thi hành án tỉnh An Giang đã chuyển chi trả thi hành án cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang số tiền 65.000.000.000 đồng bù trừ với nghĩa vụ mà Công ty phải trả cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang. Theo bản án, Công ty có nghĩa vụ phải trả Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam số tiền gốc 236.613.778.977 đồng và lãi đến hạn, quá hạn là: 152.184.436.609 đồng. Ngoài ra công ty còn có các khoản nợ gốc vay Ngân hàng khác đã đến hạn nhưng chưa có khả năng chi trả.

Bên cạnh đó, tại ngày 31/12/2025 các khoản công nợ Phải trả người bán ngắn hạn, Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, Phải trả ngắn hạn khác với giá trị lần lượt 7,8 tỷ; 6,3 tỷ và 0,31 tỷ đã quá hạn thanh toán nhưng chưa được Công ty thanh toán.

Trong năm 2025, hoạt động kinh doanh của Công ty ở mức cầm chừng, lợi nhuận gộp thấp chưa đủ bù đắp các chi phí quản lý doanh nghiệp.

Các yếu tố trên dẫn tới sự nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty trong tương lai. Tuy nhiên, Ban Điều hành đã và đang xúc tiến kế hoạch kinh doanh mới, tìm kiếm khách hàng và thị trường mới. Bên cạnh đó, Công ty sẽ tái khởi động lại hoạt động gia công xuất khẩu cá phi lê và duy trì việc cho thuê nhà xưởng, kho đông lạnh nhân rồi để tạo nguồn thu thanh toán các nghĩa vụ đến hạn. Công ty đã xây dựng phương án tái cấu trúc lại hoạt động và thương thảo với các ngân hàng để tái cơ cấu lại các khoản nợ vay để có thể đảm bảo cho hoạt động của Công ty trong tương lai. Theo đó, Báo cáo tài chính kèm theo được lập trên giả định Công ty tiếp tục hoạt động liên tục.

2.3. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3.3. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3.4. Các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

3.5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. (nếu áp dụng)

	Số năm
- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 45
- Máy móc, thiết bị	08 – 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng.

3.7. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

3.8. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

3.9. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

3.10. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.11. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp trong năm và được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

3.12. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản chi phí dự phòng và các khoản khác.

3.13. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Căn cứ theo Điều 11 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp thì thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trừ một số trường hợp sau đây:

- + Thuế suất 15% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 03 tỷ đồng.
- + Thuế suất 17% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm từ trên 03 tỷ đồng đến không quá 50 tỷ đồng.

+ Thuế suất 15% và 17% không áp dụng đối với doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam là công ty con hoặc công ty có quan hệ liên kết mà doanh nghiệp trong quan hệ liên kết không phải là doanh nghiệp đáp ứng điều kiện áp dụng thuế suất 15% và 17%.

Do đó, Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty áp dụng mức 17%.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.14. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu cùng được kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	5.744.978	5.744.978
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.864.616	10.020.029
	16.609.594	15.765.007

4.2. Phải thu ngắn hạn khách hàng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Global Trading Ltd.,	4.182.076.555	4.182.076.555
Công ty CP Thiết kế Nội thất Nam Tiến	1.353.943.920	1.353.943.920
Các khách hàng khác	2.173.428.804	2.173.428.804
	7.709.449.279	7.709.449.279

4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Lê Hoàng Phi	302.000.000	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I	177.969.960	177.969.960
Trung tâm Đào tạo và Xúc tiến Thương mại Vasep	84.463.227	84.463.227
Các khoản khác	231.966.156	206.966.156
	796.399.343	469.399.343

4.4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	233.653.997	(233.653.997)	233.653.997	(233.653.997)
Phải thu khác	-	-	3.810.000.000	-
	233.653.997	(233.653.997)	4.043.653.997	(233.653.997)

4.5. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi				
Global Trading Ltd.,	4.182.076.555	(4.182.076.555)	4.182.076.555	(4.182.076.555)
Công ty CP Thiết kế nội thất Nam Tiến	1.353.943.920	(947.760.744)	1.353.943.920	(676.971.960)
Các đối tượng khác	2.876.482.144	(2.876.482.144)	2.876.482.144	(2.876.482.144)
	8.412.502.619	(8.006.319.443)	8.412.502.619	(7.735.530.659)

4.6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	33.895.946.021	62.518.411.810	579.163.636	644.558.120	97.638.079.587
Số cuối năm	33.895.946.021	62.518.411.810	579.163.636	644.558.120	97.638.079.587
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	24.092.881.352	59.294.593.608	579.163.636	644.558.120	84.611.196.716
Số cuối năm	24.092.881.352	59.294.593.608	579.163.636	644.558.120	84.611.196.716
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
- Tại ngày đầu năm	9.803.064.669	3.223.818.202	-	-	13.026.882.871
- Tại ngày cuối năm	9.803.064.669	3.223.818.202	-	-	13.026.882.871

4.7. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số đầu năm	3.483.420.000	3.483.420.000
Số cuối năm	3.483.420.000	3.483.420.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số đầu năm	-	-
Số cuối năm	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
- Tại ngày đầu năm	3.483.420.000	3.483.420.000
- Tại ngày cuối năm	3.483.420.000	3.483.420.000

4.8. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào đơn vị khác	1.335.000.000	(1.335.000.000)		1.335.000.000	(1.335.000.000)	
Công ty CP Âu Việt	1.335.000.000	(1.335.000.000)	(i)	1.335.000.000	(1.335.000.000)	(i)
	<u>1.335.000.000</u>	<u>(1.335.000.000)</u>	<u>-</u>	<u>1.335.000.000</u>	<u>(1.335.000.000)</u>	<u>-</u>

(i) Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá trị niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết

Tên	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Địa chỉ	Hoạt động chính
Công ty CP Âu Việt	15,00%	15,00%	Tầng 4, Tòa nhà Tecco C, Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	Hoạt động thiết kế chuyên dụng; dịch vụ liên quan đến in ấn; bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông

4.9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Âu Việt	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty CP Thủy sản Gentraco	873.459.321	873.459.321	873.459.321	873.459.321
Các khách hàng khác	915.242.524	915.242.524	915.242.524	915.242.524
	7.788.701.845	7.788.701.845	7.788.701.845	7.788.701.845

4.10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần XNK Nông sản Thực phẩm An Giang	67.227.930	67.227.930
	67.227.930	67.227.930

4.11. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT	1.244.535.520	-	-	-	1.244.535.520	-
Thuế tài nguyên	6.600.000	-	-	-	6.600.000	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	3.160.695.320	-	-	-	3.160.695.320	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.901.484.220	-	-	-	1.901.484.220	-
	6.313.315.060	-	-	-	6.313.315.060	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi vay phải trả	161.751.631.437	161.751.631.437
	161.751.631.437	161.751.631.437

4.13. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải trả khác	589.000.000	4.120.000.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Việt Nhật	310.000.000	4.120.000.000
+ Ông Nguyễn Thanh Sơn	279.000.000	-
	589.000.000	4.120.000.000

Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 6.2)

4.14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	321.171.538.900	321.171.538.900	-	-	321.171.538.900	321.171.538.900
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang (i)	236.613.778.977	236.613.778.977	-	-	236.613.778.977	236.613.778.977
- Ngân hàng NN&PTNT - Chi nhánh An Giang (ii)	25.126.740.856	25.126.740.856	-	-	25.126.740.856	25.126.740.856
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang (iii)	53.317.842.389	53.317.842.389	-	-	53.317.842.389	53.317.842.389
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh An Giang (iv)	3.512.715.551	3.512.715.551	-	-	3.512.715.551	3.512.715.551
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh An Giang (v)	1.600.461.127	1.600.461.127	-	-	1.600.461.127	1.600.461.127
- Vay cá nhân ông Dương Thái Nguyên (vi)	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321.171.538.900	321.171.538.900	-	-	321.171.538.900	321.171.538.900

Các khoản vay trên đã quá hạn từ lâu và Công ty chưa có khả năng thanh toán cho các khoản vay.

Thông tin bổ sung cho các khoản vay:

(i) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang theo Hợp đồng hạn mức số 201/2010/NHNT.AG ngày 15/6/2010 và các Hợp đồng cho vay từng lần (đính kèm hợp đồng 201/2010/NHNT.AG). Với mục đích cho vay bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là: Quyền sử dụng đất, nhà máy, văn phòng làm việc, máy móc thiết bị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay (Tiếp):

(ii) Vay Ngân hàng NN&PTNT tỉnh An Giang theo Hợp đồng tín dụng số 47/2013/HĐTD ngày 22/5/2013. Hạn mức cho vay là 50 tỷ đồng, thời gian vay tính theo từng giấy nhận nợ và tối đa là 6 tháng. Mục đích vay bổ sung vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh, chế biến. Lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Hình thức bảo đảm tiền vay là Quyền sở hữu công trình xây dựng, hàng tồn kho, máy móc, thiết bị theo hợp đồng thế chấp tài sản số 47B/HĐTC ngày 22/5/2013.

(iii) Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang theo các Hợp đồng tín dụng số 48/2014/HĐTDXH-NHPT-ĐT.AG ngày 19/5/2014. Mục đích vay để thực hiện phương án kinh doanh mặt hàng xuất khẩu cá tra. Lãi suất vay theo từng Khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền trên đất của bên thứ ba và các tài sản hình thành từ vốn vay.

(iv) Vay Ngân hàng TMCP Đại Chúng – CN An Giang theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 068/2010/HĐTD-DN.LX ngày 20/05/2010 và các hợp đồng sửa đổi cấp hạn mức tín dụng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Hình thức bảo đảm tiền vay là hàng hóa tồn kho cá thành phẩm.

(v) Vay theo Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam – Chi nhánh An Giang theo Hợp đồng tín dụng nguyên tắc số 0015/HDDNT2-VIB621/11 ngày 16/03/2011 và các Phụ lục hợp đồng. Hạn mức 9 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh cá tra, basa fillet xuất khẩu. Lãi suất vay theo từng thời điểm nhận nợ. Hình thức bảo đảm là hàng tồn kho, dây chuyền sản xuất từ cá phế phẩm.

(vi) Đây là các khoản vay từ các cá nhân phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay là dưới 12 tháng. Lãi suất từ 1% đến 1,2%/tháng.

Ngày 29/10/2019 Tòa án nhân dân Thành phố Long Xuyên cũng tuyên bản án sơ thẩm số 08/2019/KDTM-ST về việc buộc Công ty Cổ phần NTACO có nghĩa vụ phải trả Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam số tiền gốc 236.613.778.977 đồng; lãi trong hạn là 149.603.789.897 đồng và lãi quá hạn là: 2.580.646.712 đồng.

4.15. Vốn chủ sở hữu

4.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	119.999.980.000	(600.467.294.053)	(480.467.314.053)
Tăng trong năm trước	-	(134.897.904)	(134.897.904)
- Lỗ trong năm trước		(134.897.904)	(134.897.904)
Số dư cuối năm trước	119.999.980.000	(600.602.191.957)	(480.602.211.957)
Số dư đầu năm nay	119.999.980.000	(600.602.191.957)	(480.602.211.957)
Tăng trong năm	-	(224.794.197)	(224.794.197)
- Lỗ trong năm	-	(224.794.197)	(224.794.197)
Số dư cuối năm nay	119.999.980.000	(600.826.986.154)	(480.827.006.154)

4.15.2. Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.999.998	11.999.998
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.999.998	11.999.998
+ Cổ phiếu phổ thông	11.999.998	11.999.998
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.999.998	11.999.998
+ Cổ phiếu phổ thông	11.999.998	11.999.998
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

4.15.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	119.999.980.000	119.999.980.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	119.999.980.000	119.999.980.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	1.232.000.000	
	1.232.000.000	-

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hàng bán	1.175.000.000	-
	1.175.000.000	-

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	286.586	1.339
	286.586	1.339

5.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.291.999	55.665.340
Dự phòng phải thu khó đòi	270.788.784	79.233.903
	282.080.783	134.899.243

5.5. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(224.794.197)	(134.897.904)
- Các khoản điều chỉnh tăng	10.500.000	-
Chi phí không hợp lệ	10.500.000	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lỗ năm trước chuyển sang	(214.294.197)	-
Lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(134.897.904)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	17%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

5.6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(224.794.197)	(134.897.904)
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(224.794.197)	(134.897.904)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	11.999.998	11.999.998
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/ Cổ phiếu)	(19)	(11)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm (cổ phiếu)	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	(19)	(11)

6. CÁC THÔNG TIN KHÁC

6.1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Điều hành Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.

6.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

6.2.1. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Điều hành và kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Minh Trọng	Thành viên HĐQT

Trong năm 2025, Công ty không phát sinh thu nhập với Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi tiền		4.120.000.000
Ông Nguyễn Thanh Sơn (*)	-	4.120.000.000
Thu tiền	4.399.000.000	4.100.130.937
Ông Nguyễn Thanh Sơn (*)	4.089.000.000	3.895.000.000
Thu tiền cho mượn	-	205.130.937
Ông Trần Minh Trọng	-	205.130.937

Số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác		
Ông Nguyễn Thanh Sơn	-	3.810.000.000
Phải trả ngắn hạn khác		
Ông Nguyễn Thanh Sơn	279.000.000	-

6.2.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty con, các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Danh sách bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Việt Nhật	Ông Nguyễn Thanh Sơn là đồng Chủ tịch HĐQT

Giao dịch với các bên liên quan khác

Trong năm tài chính này có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các công ty có liên quan như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu tiền cho mượn	3.810.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Việt Nhật	3.810.000.000	-

Số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các bên liên quan khác :

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải trả ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Việt Nhật	310.000.000	4.120.000.000

27